

**BẢNG 6**  
**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN TÂN BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/2004/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2004  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000đồng/m<sup>2</sup>

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ẤP BẮC	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	4.200
2	ÂU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
3	BA GIA	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
4	BA VÂN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ÂU CƠ	4.000
5	BA VÌ	THĂNG LONG	KÊNH SÂN BAY (A41)	4.000
6	BẮC HẢI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
7	BẠCH ĐẰNG 1	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	NGÃ BA HỒNG HÀ	4.200
8	BẠCH ĐẰNG 2	NGÃ BA HỒNG HÀ	CUỐI ĐƯỜNG	5.800
9	BÀNH VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
10	BÀU BÀNG	NÚI THÀNH	BÌNH GIÃ	4.200
11	BÀU CÁT	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	5.800
		ĐỒNG ĐEN	VÕ THÀNH TRANG	5.000
12	BÀU CÁT 1	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	4.000
13	BÀU CÁT 2	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	4.000
14	BÀU CÁT 3	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	4.000
15	BÀU CÁT 4	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	4.000
16	BÀU CÁT 5	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	4.000
17	BÀU CÁT 6	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	4.000
18	BÀU CÁT 7	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	4.000
19	BÀU CÁT 9	ÂU CƠ	ĐỒNG ĐEN	4.000
		ĐỒNG ĐEN	HỒNG LẠC	3.300
20	BẾ VĂN ĐÀN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	4.000
21	BẾN CÁT	ĐƯỜNG PHÚ HOÀ	NGHĨA PHÁT	3.300
22	BÌNH GIÃ	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	5.000
23	BÙI THỊ XUÂN	HOÀNG VĂN THỤ	ĐỌC KÊNH NHIÊU LỘC	5.000
24	CA VĂN THỈNH	VÕ THÀNH TRANG	ĐỒNG ĐEN	4.000
25	CẦU CỐNG LỠ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	2.300
26	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
27	CHẤM HÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
28	CHÂU VĨNH TẾ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
29	CHÍ CÔNG	NGHĨA HOÀ	TƯỜNG RÀO TRƯỜNG CHI LĂNG	3.000
30	CHÍ LINH	KHAI TRÍ	ĐẠI NGHĨA	3.000
31	CHỮ ĐỒNG TỬ	BÀNH VĂN TRÂN	VÂN CÔI	3.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
32	CỘNG HÒA	TRƯỜNG CHINH	LĂNG CHA CẢ	10.400
33	CỬU LONG	TRƯỜNG SƠN	YÊN THẾ	4.600
34	CÙ CHÍNH LAN	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	4.000
35	DÂN TRÍ	NGHĨA HÒA	KHAI TRÍ	3.000
36	ĐỌC BỜ KÊNH NHIÊU LỘC	NGÃ BA ĐƯỜNG LÊ BÌNH, ÚT TỊCH	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN VÀ QUẬN 3	4.200
37	DƯƠNG VĂN NGA	NGUYỄN BẮC	HẸM 122 PHẠM VĂN HAI	4.600
38	DUY TÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIẾN	3.300
39	ĐẠI NGHĨA	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	3.000
40	ĐẶNG LỘ	NGHĨA PHÁT	CHỦ ĐỒNG TỬ	3.000
41	ĐẤT THÁNH	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẮC HẢI	4.000
42	ĐỒ SƠN	HẸM HẢI VÂN	THẮNG LONG	4.000
43	ĐÔNG HỒ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	4.000
44	ĐÔNG NAI	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	4.600
45	ĐÔNG ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
46	ĐÔNG SƠN	VÂN CÔI	BA GIA	3.300
47	ĐỒNG XOÀI	BÌNH GIÃ	HOÀNG HOA THÁM	4.200
48	ĐÌNH ĐIỀN	DƯƠNG VĂN NGA	HẸM NHÀ KHO PEPSI	4.000
49	ĐƯỜNG A4	CỘNG HÒA	TRƯỜNG CHINH	5.000
50	ĐƯỜNG B6	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
51	ĐƯỜNG KẾ XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH	ÂU CƠ	VƯỜN LAN	2.500
52	ĐƯỜNG 122 PHẠM VĂN HAI	PHẠM VĂN HAI	LÊ VĂN SỸ	4.600
53	ĐƯỜNG 175 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	3.300
54	ĐƯỜNG B1	THÂN NHÂN TRUNG	ĐƯỜNG C12	4.000
55	ĐƯỜNG C1	CỘNG HÒA	NGUYỄN QUANG BÍCH	4.000
56	ĐƯỜNG C12	CỘNG HÒA	ĐƯỜNG B1	4.000
57	ĐƯỜNG C18	CỘNG HÒA	NGUYỄN THÁI BÌNH	4.000
58	ĐƯỜNG C2	NGUYỄN QUANG BÍCH	ĐƯỜNG D8	4.000
59	ĐƯỜNG C22	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	4.000
60	ĐƯỜNG C27	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C29	4.000
61	ĐƯỜNG C3	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	4.000
62	ĐƯỜNG D50	ĐƯỜNG C25	CỘNG HÒA	4.000
63	ĐƯỜNG D51	ĐƯỜNG C20	NGUYỄN THÁI BÌNH	4.000
64	ĐƯỜNG D52	ĐƯỜNG D50	ĐƯỜNG D53	4.000
65	ĐƯỜNG HỒNG TRƯỞNG MẦM NON 10	ĐƯỜNG TRƯỚC TRƯỞNG MẦM NON 10	NI SƯ HUỲNH LIÊN	2.500
66	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI.	NHÀ SỐ 130/9	NHÀ KHO PEPSI	5.000
67	ĐƯỜNG SỐ 1	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
68	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
69	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG		2.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
70	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
71	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
72	ĐƯỜNG SỐ 6	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
73	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	2.500
74	ĐƯỜNG TỔ 46 - P.10	HỒNG LẠC	ĐƯỜNG SỐ 1	2.500
75	ĐƯỜNG TRƯỚC TRƯỜNG MẦM NON 10	HỒNG LẠC	NI SƯ HUỲNH LIÊN	2.500
76	ĐỒNG ĐÀ	CỬU LONG	TIỀN GIANG	4.600
77	GIẢI PHÓNG	THĂNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
78	GÒ CẨM ĐỆM	LẠC LONG QUÂN	TRẦN VĂN QUANG	2.500
79	HẬU GIANG	THĂNG LONG	TRƯỜNG SƠN	4.600
80	HÀ BÁ TƯỜNG	TRƯỜNG CHINH	LÊ LAI	4.000
81	HÁT GIANG	LAM SƠN	YÊN THẾ	4.600
82	HIỆP NHẤT	HOÀ HIỆP	NHÀ SỐ 1024 HIỆP NHẤT	3.300
83	HỒNG HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
84	HỒNG LẠC	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	4.000
85	HỒNG LẠC (HƯỚNG LỘ 2)	KÊNH ĐỒNG ĐEN	ÂU CƠ	4.000
86	HOÀNG BẬT ĐẠT	NGUYỄN PHÚC CHU	CỔNG LỖ	2.300
87	HOÀNG HOA THÁM	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	5.800
		CỘNG HÒA	RANH SÂN BAY	4.600
88	HOÀNG KẾ VIÊM(C21)	ĐƯỜNG A4	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
89	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN VĂN TRỖI	NGÃ 4 BẢY HIỀN	9.300
90	HOÀNG VIỆT	HOÀNG VĂN THỤ	LÊ BÌNH	6.700
91	HƯNG HÓA	CHẤN HƯNG	NGÃ 3 THÁNH GIA	3.000
92	HÒA HIỆP	HIỆP NHẤT	NHÀ 1253 HÒA HIỆP	3.000
93	HUỲNH TỊNH CỬA	SƠN HƯNG	NGUYỄN TỬ NHA	4.000
94	HUỲNH VĂN NGHỆ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	1.400
95	KHAI QUANG	CHỢ NAM HÒA	ĐẤT THÁNH	3.000
96	KHAI TRÍ	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	3.000
97	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	ÂU CƠ	6.700
98	LAM SƠN	SÔNG NHUỆ	HỒNG HÀ	4.600
99	LÊ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
100	LÊ DUY NHUẬN(C28)	ĐƯỜNG C19	ĐƯỜNG A4	4.000
101	LÊ LAI	TRƯỜNG CHINH	HẸM 291 TRƯỜNG CHINH	3.300
102	LÊ LỢI	TRƯỜNG CHINH	HẸM 11 LÊ LAI	3.300
103	LÊ MINH XUÂN	VÂN CÔI	LẠC LONG QUÂN	3.300
		LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	5.800
104	LÊ NGÂN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN TỬ NHA	4.000
105	LÊ TẤN QUỐC	CỘNG HÒA	LÊ VĂN HUÂN	4.000
106	LÊ TRUNG NGHĨA(C26)	C13	HOÀNG HOA THÁM	4.000
107	LÊ VĂN HUÂN	CỘNG HÒA	ĐƯỜNG B1	4.000
108	LÊ VĂN SỸ	LĂNG CHA CẢ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	8.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
109	LỘC HÙNG	CHẤN HÙNG	NGÃ 3 LỘC HÙNG	2.700
110	LỘC VINH	NGHĨA PHÁT	NGHĨA HÒA	3.000
111	LONG HÙNG	BẾN CÁT	BA GIA	3.300
112	LƯU NHÂN CHÚ	PHẠM VĂN HAI	HẸM 98 CÁCH MẠNG THÁNG 8	2.400
113	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 4 BẢY HIỀN	RANH QUẬN 10	9.300
114	MAI LÃO BẠNG	THÂN NHÂN TRUNG	TRẦN VĂN DƯ	4.000
115	NĂM CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
116	NGHĨA HÙNG	HẸM TỔ 36	HẸM TỔ 28	3.000
117	NGHĨA HÒA	NGHĨA PHÁT	BẮC HẢI	3.000
118	NGHĨA PHÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	BÀNH VĂN TRÂN	3.900
		BÀNH VĂN TRÂN	BẾN CÁT	4.000
119	NGÔ BỆ	CỘNG HÒA	ĐƯỜNG B1	4.000
120	NGỰ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
121	NGUYỄN BẶC	PHẠM VĂN HAI	DƯƠNG VĂN NGA	5.000
122	NGUYỄN BÁ TÔNG	TRƯỜNG CHINH	SƠN HÙNG	4.000
123	NGUYỄN BÁ TUYẾN(C29)	C25	C28	4.000
124	NGUYỄN CẢNH DỊ	THĂNG LONG	NGUYỄN VĂN MẠI	4.000
125	NGUYỄN CHÁNH SẮT	TRẦN VĂN DƯ	ĐƯỜNG C2	4.000
126	NGUYỄN HIẾN LÊ	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	4.000
127	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	TRƯỜNG CHINH	ĐƯỜNG ÂU CƠ	5.000
128	NGUYỄN MINH HOÀNG	HOÀNG HOA THÁM	QUÁCH VĂN TUẤN	4.000
129	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI.	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG VIỆT	4.000
130	NGUYỄN PHÚC CHU	TRƯỜNG CHINH	KÊNH HY VỌNG	2.300
131	NGUYỄN QUANG BÍCH(B4)	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	4.000
132	NGUYỄN SỸ SÁCH	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	2.300
133	NGUYỄN THANH TUYẾN	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	CUỐI ĐƯỜNG	4.600
134	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	5.300
135	NGUYỄN THẾ LỰC	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG A18	4.000
136	NGUYỄN THỊ NHỎ	ÂU CƠ	THIÊN PHƯỚC	4.600
137	NGUYỄN TỬ NHA	NĂM CHÂU	NHÀ THỜ VÂN CÔI	4.000
138	NGUYỄN TRỌNG LỢI	HẬU GIANG	THĂNG LONG	4.000
139	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	HẸM 413 HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	6.000
140	NGUYỄN VĂN MẠI	SỐ 1 TRƯỜNG SƠN	SỐ 1/54 TRƯỜNG SƠN	4.000
141	NGUYỄN VĂN TRỖI	HOÀNG VĂN THỤ	RANH PHÚ NHUẬN	9.300
142	NGUYỄN VĂN VĨ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
143	NGUYỄN VĂN VĨNH	HẸM 27 HẬU GIANG	THĂNG LONG	4.000
144	NHẤT CHI MAI	CỘNG HÒA	ĐƯỜNG C12	4.000
145	NI SỬ HUỲNH LIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
146	NÚI THÀNH	ẤP BẮC	CỘNG HÒA	4.200
147	PHẠM CỰ LƯỢNG	PHỔ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
148	PHẠM HỒNG THÁI	PHỔ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	4.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
149	PHẠM PHÚ THỨ	HẼM 1017/6 LẠC LONG QUÂN	ĐỒNG ĐEN	4.000
150	PHẠM VĂN BẠCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	2.600
151	PHẠM VĂN HAI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÊ VĂN SỸ	6.600
		LÊ VĂN SỸ	HOÀNG VĂN THỤ	5.000
152	PHAN BÁ PHIẾN	ĐƯỜNG A2	QUÁCH VĂN TUẤN	4.000
153	PHAN HUY ÍCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	1.900
154	PHAN ĐÌNH GIÓT	PHỔ QUANG	TRƯỜNG SƠN	5.800
155	PHAN SÀO NAM	BÀU CÁT	HỒNG LẠC	4.000
156	PHAN THỨC DUYỆN	THĂNG LONG	PHAN ĐÌNH GIÓT	4.000
157	PHAN VĂN LÂU	ĐỒ SƠN	HẼM 61 THĂNG LONG	3.000
158	PHAN VĂN SỬU	CỘNG HÒA	NHẤT CHI MAI	4.000
159	PHỔ QUANG	PHAN ĐÌNH GIÓT	HỒ VĂN HUÊ (QUẬN PHÚ NHUẬN)	5.900
160	PHÚ HÒA	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	3.300
		LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	5.800
161	PHÚ LỘC	BÀNH VĂN TRÂN	NHÀ SỐ 61/22	3.000
162	QUÁCH VĂN TUẤN	CỘNG HÒA	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
163	QUẢNG HIỀN	NĂM CHÂU	SƠN HÙNG	3.300
164	SÂM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
165	SAO MAI	SỐ 147 CÁCH MẠNG THÁNG 8	BÀNH VĂN TRÂN	3.000
		BÀNH VĂN TRÂN	NHÀ THỜ SAO MAI	2.500
166	SÔNG ĐÀ	TRƯỜNG SƠN	TRÀ KHÚC	4.600
167	SÔNG ĐÁY	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
168	SÔNG NHUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
169	SÔNG THAO	LAM SƠN	ĐỔNG ĐA	4.600
170	SÔNG THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
171	SƠN CANG	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
172	SƠN HÙNG	HUYỀN TỊNH CỦA	NGUYỄN BÁ TÙNG	3.300
		HUYỀN TỊNH CỦA	31/2 NGUYỄN BÁ TÙNG	4.000
173	TÂN CANH	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	LÊ VĂN SỸ	5.000
174	TÂN CHÂU	DUY TÂN	TÂN PHƯỚC	3.300
175	TÂN KHAI	HIỆP NHẤT	TỰ CƯỜNG	3.300
176	TÂN KỶ TÂN QUÍ	CỘNG HÒA	TRƯỜNG CHINH	4.000
177	TÂN LẬP	TÂN THỌ	TÂN XUÂN	3.300
178	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIẾN	3.300
179	TÂN SƠN HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
180	TÂN TẠO	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN XUÂN	3.300
181	TÂN THỌ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	3.300
182	TÂN TIẾN	TÂN THỌ	ĐÔNG HỒ	5.800
183	TÂN TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
184	TÂN TRỤ	NGUYỄN PHÚC CHU	PHAN HUY ÍCH	2.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
185	TÂN XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÊ MINH XUÂN	3.300
186	TÁI THIẾT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NĂM CHÂU	4.000
187	TẢN VIÊN	SÔNG ĐÁY	ĐÔNG NAI	4.600
188	THÂN NHÂN TRUNG	CỘNG HÒA	MAI LÃO BẠNG	4.000
189	THĂNG LONG	CỘNG HÒA	GA HÀNG HÓA SÂN BAY	4.000
190	THÀNH MỸ	ĐÔNG HỒ	HÈM 175 LÝ THƯỜNG KIỆT	3.300
191	THÉP MỚI	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN THÁI BÌNH	4.000
192	THÍCH MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
193	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÝ THƯỜNG KIỆT	4.000
194	THỦ KHOA HUÂN	PHÚ HÒA	ĐÔNG HỒ	3.300
195	TIỀN GIANG	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	4.600
196	TỔNG VĂN HÊN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN PHÚC CHU	2.000
197	TỰ CƯỜNG	TỰ LẬP	HÈM 384 CÁCH MẠNG THÁNG 8	3.300
198	TỰ LẬP	CÁCH MẠNG THÁNG 8	HIỆP NHẤT	3.300
199	TỬ HẢI	NGHĨA PHÁT	ĐẤT THÁNH	3.000
200	TRẦN MAI NINH	TRƯỜNG CHINH	BÀU CÁT	4.000
201	TRẦN QUỐC HOÀN	LĂNG CHA CẢ	VÀO CỔNG SÂN BAY	8.200
202	TRẦN THÁI TÔNG	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	2.300
203	TRẦN THÁNH TÔNG	HUYỄN VĂN NGHỆ	CỔNG LỖ	2.300
204	TRẦN TRIỀU LUẬT	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	5.000
205	TRẦN VĂN DƯ	CỘNG HÒA	TƯỜNG RÀO SÂN BAY	4.000
206	TRẦN VĂN HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
207	TRẦN VĂN QUANG	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	4.000
208	TRÀ KHÚC	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
209	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	TRƯỜNG CHINH	ĐƯỜNG ÂU CƠ	5.000
210	TRƯỜNG HOÀNG THANH	NGUYỄN THÁI BÌNH	ĐƯỜNG C19	4.000
211	TRƯỜNG CHINH	NGÃ TƯ BẢY HIỀN	NGÃ BA BÀ QUEO	6.000
		NGÃ BA BÀ QUEO	CÀUTHAM LƯƠNG	4.500
212	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		9.300
213	TRUNG LANG	TRẦN MAI NINH	LÊ LAI	4.000
214	ÚT TỊCH	CỘNG HÒA	LÊ BÌNH	5.000
215	VÂN CÔI	BÀNH VĂN TRÂN	NGHĨA PHÁT	3.300
216	VĂN CHUNG	TRẦN VĂN DƯ	ĐƯỜNG C2	4.000
217	VEN TƯỜNG RÀO SÂN BAY	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
218	VÕ THÀNH TRANG	LÝ THƯỜNG KIỆT	HỒNG LẠC	4.000
219	VƯỜN LAN	HỒNG LẠC	ĐƯỜNG KẾ XÍ NGHIỆP	4.000
220	XUÂN ĐIỀU	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN THÁI BÌNH	6.700
221	XUÂN HỒNG	TRƯỜNG CHINH	XUÂN ĐIỀU	6.700
222	YÊN THỂ	ĐẦU ĐƯỜNG	HÈM 114 BẠCH ĐẰNG	4.200